



ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
(3/2/1930 - 3/2/2020) và mừng xuân Canh Tý 2020; 90 năm Ngày thành lập
Đảng bộ tỉnh (28/3/1930 - 28/3/2020) và 45 năm Ngày giải phóng
tỉnh Quảng Nam (24/3/1975 - 24/3/2020)

(Kèm theo Hướng dẫn số 53-HD/BTGTU, ngày 31/12/2019 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

Phản thứ nhất:

KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3/2/1930 - 3/2/2020)

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI LÀ BUỚC NGOẶT TO LỚN TRONG LỊCH SỬ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Bối cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1. Bối cảnh quốc tế

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc. Các nước tư bản đế quốc thực hiện chính sách: bên trong tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài gia tăng các hoạt động xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc làm đời sống nhân dân lao động trên thế giới trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

Năm 1917, với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ lý luận đã trở thành hiện thực, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người; là ánh sáng soi đường cho các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Tháng 3 năm 1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đối với Việt Nam, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Bối cảnh trong nước

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và từng bước thiết lập bộ máy thống trị, biến nước ta từ một quốc gia phong kiến thành “một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác”.

a) Chính sách thống trị của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi. Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn, đó là một chính sách chuyên chế diến hình, chúng đàn áp đẫm máu các phong trào và hành động yêu nước của người Việt Nam, mọi quyền tự do bị cấm. Chúng chia rẽ ba nước Đông Dương, chia Việt Nam thành ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ)

và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng. Về kinh tế, thực dân Pháp cấu kết với giai cấp địa chủ để thực hiện chính sách bóc lột tàn bạo, cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; ra sức vơ vét tài nguyên, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề, vô lý; xây dựng một số cơ sở công nghiệp, hệ thống đường giao thông, bến cảng phục vụ chính sách khai thác thuộc địa. Về văn hóa, thực dân Pháp tiến hành chính sách ngu dân, chúng bưng bít, ngăn cản ảnh hưởng của văn hóa tiên bộ trên thế giới, khuyến khích văn hóa độc hại, xuyên tạc lịch sử, giá trị văn hóa Việt Nam và dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu.

b) *Sự phân hóa giai cấp và mâu thuẫn xã hội diễn ra ngày càng gay gắt.* Phần lớn giai cấp địa chủ cấu kết với thực dân Pháp ra sức bóc lột nông dân; một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức và mức độ khác nhau. Các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội Việt Nam đều mang thân phận người dân mất nước và đều bị thực dân áp bức, bóc lột, chèn ép nên đều căm phẫn thực dân Pháp. Do đó, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam lúc này, không chỉ là mâu thuẫn giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ và phong kiến, mà đã nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

c) *Các cuộc khởi nghĩa và phong trào đấu tranh của quần chúng chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, xã hội Việt Nam rơi vào khủng hoảng về đường lối cách mạng.* Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, các cuộc khởi nghĩa và các phong trào đấu tranh của nhân dân ta diễn ra liên tục và mạnh mẽ. Tuy nhiên do thiếu đường lối đúng đắn, thiếu tổ chức và lực lượng cần thiết nên các phong trào đó đã lần lượt thất bại. Phong trào yêu nước theo ý thức hệ phong kiến như phong trào Cần Vương đã chấm dứt với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo (1896); phong trào nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám kéo dài 30 năm cũng không giành được thắng lợi. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản do các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can lãnh đạo cũng rơi vào bế tắc. Cuộc khởi nghĩa Yên Bai do Nguyễn Thái Học lãnh đạo cũng bị thất bại,... Cách mạng Việt Nam chìm trong cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.

2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Giữa lúc dân tộc ta đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, nhiều nhà yêu nước đương thời tiếp tục con đường cứu nước theo lối cũ thì ngày 5/6/1911 người thanh niên Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh sau này) ra đi tìm đường cứu nước theo phương hướng mới. Với khát vọng cháy bỏng giành độc lập tự do cho dân, cho nước, Nguyễn Tất Thành đã bất chấp mọi nguy hiểm, gian khổ, đi qua nhiều nước của châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và đã rút ra chân lý: Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc thực dân là cội nguồn mọi đau khổ

của công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc cũng như ở các nước thuộc địa.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6/1919, với tên mới là Nguyễn Ái Quốc, Người thay mặt những người yêu nước Việt Nam gửi đến Hội nghị Véc-xây Bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 đòi hỏi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.

Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản “*Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của Lênin đăng trên báo Nhân đạo và cũng chính từ đây đã giải đáp cho Người con đường đấu tranh giành độc lập tự do thực sự cho dân tộc, cho đồng bào mình.

Từ ngày 25 đến 30/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp với tư cách đại biểu Đông Dương. Kết thúc Đại hội ngày 30/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tán thành thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và cũng là người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Từ năm 1921 đến 1930, Nguyễn Ái Quốc vừa tiếp tục hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp, nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện tư tưởng cứu nước, vừa tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Người tập trung chuẩn bị về tổ chức và cán bộ, lập ra Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (1925), tổ chức nhiều lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu, Trung Quốc, đồng thời gửi cán bộ đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc).

Nhờ hoạt động không mệt mỏi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và nhiều đồng chí cách mạng tiền bối mà đến cuối năm 1929, đầu năm 1930, những điều kiện cho sự ra đời của một Đảng vô sản ở Việt Nam đã chín muồi.

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn cách mạng, ngày 17/6/1929, Kỳ Bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đã thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng* tại Hà Nội. Tháng 11/1929, các đồng chí Tổng bộ và Kỳ Bộ Nam Kỳ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên quyết định thành lập *An Nam Cộng sản Đảng*. Ngày 1/1/1930, những đại biểu ưu tú của Tân Việt cách mạng Đảng (một tổ chức tiền thân của Đảng) đã họp và thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn* ở Trung Kỳ. Tuy nhiên ở một nước có tới ba tổ chức cộng sản nên không tránh khỏi sự phân tán về lực lượng và tổ chức, không thể thống nhất về tư tưởng và hành động. Trách nhiệm lịch sử là phải thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất, chấm dứt tình trạng chia rẽ phong trào Cộng sản ở Việt Nam.

Từ ngày 6/1 đến ngày 7/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp ở bán đảo Cửu Long thuộc Hồng Kông (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt cho Quốc tế

Cộng sản. Trong Hội nghị thành lập Đảng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề ra 5 điểm lớn cần thảo luận và thống nhất, trước hết là tự phê bình và phê bình, “*Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương*”. Hội nghị đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành lập một đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thông qua các văn kiện gồm: Chánh cương văn tắt, Sách lược văn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ văn tắt của Đảng và Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột nhân dịp thành lập Đảng. Trong đó, Chánh cương văn tắt của Đảng và sách lược văn tắt của Đảng phản ánh nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã mở ra thời kì mới cho cách mạng Việt Nam - thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ra đời, đã xác định được những nội dung cơ bản nhất của con đường cách mạng Việt Nam; đáp ứng được những nhu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vô cùng quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đó là kết quả của sự vận động, phát triển và thống nhất phong trào cách mạng trong cả nước; sự chuẩn bị công phu về mọi mặt của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sự đoàn kết nhất trí của những chiến sỹ tiên phong vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là thành quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vang vang; đồng thời đóng góp tích cực vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ của nhân loại trên thế giới.

II. NHỮNG MỐC SON CHÓI LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG 90 NĂM VINH QUANG CỦA ĐẢNG

1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

Sau khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền với 3 cao trào cách mạng có ý nghĩa to lớn đưa đến thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đó là:

Cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh: Làm rung chuyển chế độ thống trị của đế quốc Pháp và tay sai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng quần chúng cách mạng đã vùng dậy trùng trùm bọn cường hào, phản động, tay sai thực dân Pháp, thành lập chính quyền cách mạng ở một số nơi theo hình thức Xô Viết. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 đã khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam do Đảng đề ra là đúng đắn và để lại những bài học quý báu về xây dựng liên minh công - nông, về xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, về phát động phong trào quần chúng đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền.

Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939): Bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ; quần chúng được giác ngộ về chính trị và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; Đảng đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp...

Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945): Dưới sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết của Đảng, đứng đầu là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng với sự đoàn kết hăng hái, chiến đấu ngoan cường và hy sinh to lớn của biết bao đảng viên cộng sản, chiến sĩ và đồng bào yêu nước đã kết thúc thắng lợi bằng cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phá tan sự thống trị của thực dân gần một trăm năm và lật đổ chế độ phong kiến đè nặng lên nhân dân ta mấy mươi thế kỷ, mở ra bước ngoặt vĩ đại của cách mạng, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới; kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Khái quát ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Chẳng những giai cấp lao động và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*”.

2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước (1945 - 1975)

2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945 - 1954)

Trong những năm 1945 - 1946, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và củng cố vững chắc chính quyền nhân dân, bầu cử Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (6/1/1946); xây dựng và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên (9/11/1946); chăm lo xây dựng chế độ mới, đời sống mới của nhân dân, chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm; tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ với sự ủng hộ và chi viện của cả nước; kiên quyết trấn áp các thế lực phản cách mạng, bảo vệ chính quyền và thành quả Cách mạng tháng Tám; đồng thời thực hành sách lược khôn khéo, đưa cách mạng vượt qua những thử thách hiểm nghèo. Đảng đã chủ động chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

Tháng 12/1946, trước dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quốc kháng chiến với quyết tâm “*Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ*”. Bằng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè quốc tế, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp giành thắng lợi mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “*lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*”, buộc Chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Gio-ne-vơ chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp ở nước ta.

2.2. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975)

Sau khi Hiệp định Gio-ne-vơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng, khôi phục kinh tế - văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó ở miền Nam, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Gio-ne-vơ, hất chân thực dân Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng. Nhiệm vụ của Đảng ta trong giai đoạn này hết sức nặng nề là lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược gồm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân nêu cao quyết tâm đánh Mỹ, thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân bằng tầm cao khoa học và nghệ thuật. Với một đế quốc hùng mạnh bậc nhất thế giới, Đảng ta chủ trương đánh lâu dài; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và hoạt động binh vận; kết hợp tiến công và nổi dậy, tiến hành đấu tranh trên cả ba vùng (đồng bằng, thành thị và miền núi); kết hợp mặt trận quân sự, chính trị với mặt trận ngoại giao; phát huy cao độ chủ nghĩa

yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và sức mạnh thời đại. Bằng đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tinh thần đấu tranh anh dũng kiên cường, bất khuất, bất chấp mọi gian khổ hy sinh của nhân dân ta, cùng với sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh tàn bạo của đế quốc Mỹ, giành nhiều thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đây là một trong những trang chói lọi nhất của lịch sử dân tộc, là một sự kiện có tầm quốc tế và có tính thời đại sâu sắc.

Song song với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế - xã hội, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã giành được những thành tựu quan trọng, chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu cho chủ nghĩa xã hội; vừa sản xuất, vừa chiến đấu và chi viện sức người, sức của, hoàn thành vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

3. Thời kỳ tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước, thực hiện công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1975 đến nay

3.1. Từ năm 1975 đến năm 1986

Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vừa ra sức khôi phục kinh tế vừa tiến hành hai cuộc chiến tranh chống xâm lược biên giới phía Bắc và Tây Nam, bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; đồng thời tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động. Tuy nhiên, việc duy trì lâu dài mô hình, cơ chế kinh tế tập trung bao cấp không còn phù hợp và đã bộc lộ những hạn chế, nhược điểm; việc hoạch định và thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, có lúc, có nơi đã mắc sai lầm khuyết điểm chủ quan, duy ý chí. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trước những thách thức của thời kỳ mới, Đảng ta đã tổng kết thực tiễn, tìm tòi, hoạch định đường lối đổi mới, ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20/9/1979 của Hội nghị Trung ương 6 khóa IV về “*Phương hướng nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*”; Chỉ thị 100-CT/TW, ngày 13/1/1981 của Ban Bí thư về “*Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*”; Quyết định 25/QĐ-CP, ngày 21/1/1981 của Chính phủ về đổi mới quản lý kinh tế quốc doanh; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa V (tháng 6/1985)

thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa; Kết luận của Bộ Chính trị (tháng 8/1986) về 3 quan điểm kinh tế trong tình hình mới...

3.2. Từ năm 1986 đến nay

Trên cơ sở đánh giá tình hình đất nước và qua quá trình tìm tòi, khảo nghiệm, Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trước bối cảnh mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, Đại hội VII của Đảng (tháng 6/1991) khẳng định tiếp tục đổi mới đồng bộ, triệt để trên các lĩnh vực với những bước đi, cách làm phù hợp và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, xác định những quan điểm và phương hướng phát triển đất nước, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Các nghị quyết của Đảng từ Đại hội VIII đến nay tiếp tục khẳng định sự kiên định, kiên trì thực hiện đường lối đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế. Hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới không ngừng được bổ sung và phát triển. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước hoàn thiện và cụ thể hóa toàn diện các định hướng đổi mới, phát triển, xác định rõ trọng tâm trong từng giai đoạn. Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa đã ban hành nhiều nghị quyết về những vấn đề quan trọng; lãnh đạo để Quốc hội không ngừng bổ sung, hoàn thiện, thể chế hóa Hiến pháp, hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý ngày càng đồng bộ, phù hợp cho quá trình đổi mới; lãnh đạo Chính phủ cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách và giải pháp quản lý, quản trị phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Qua gần 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và 35 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta vượt qua khủng hoảng kinh tế đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Văn hóa - xã hội có bước phát triển, công tác xóa đói giảm nghèo đạt được những thành tựu quan trọng, sớm đạt được nhiều chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, được quốc tế đánh giá cao. Diện mạo đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, Việt Nam đã có quan hệ với 189 quốc gia và vùng lãnh thổ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đầy mạnh. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang đạt được một số kết quả tích cực. Số lượng đảng viên không ngừng gia tăng. Từ Đại hội lần thứ I (1935) Đảng ta có khoảng 500 đảng viên đến Đại hội lần thứ XII (2016) Đảng ta có hơn 4,5 triệu đảng viên. Đa số cán bộ, đảng viên và Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước. Nhiều đảng viên đã để lại nhiều tấm gương tốt thể hiện tinh thần tiên phong và tính gương mẫu.

Những thành tựu qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước đã tạo đà cho sự phát triển trong những năm tiếp theo; đồng thời cũng là minh chứng sinh động khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta.

4. Những bài học kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong suốt 90 năm qua, Đảng ta đã tích luỹ và đúc rút được nhiều bài học kinh nghiệm lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết. Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ, nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, gop phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng

làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

III. PHÁT HUY TRUYỀN THÔNG VỀ VANG, TÍCH CỤC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH VỮNG MẠNH, ĐẤT NƯỚC NGÀY CÀNG GIÀU ĐẸP

1. Những truyền thống về vang của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta xây dựng nên nhiều truyền thống quý báu, thể hiện bản chất tốt đẹp; đó là:

Truyền thống trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ có đi theo con đường cách mạng mà Đảng ta và Bác Hồ đã lựa chọn thì cách mạng Việt Nam mới giành được thắng lợi trọn vẹn, đất nước ta mới thật sự được độc lập; dân tộc ta mới thật sự được tự do; nhân dân ta mới có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Truyền thống giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng. Trong mỗi giai đoạn, Đảng ta luôn thầm nhuần quan điểm chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng Việt Nam.

Truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu. Nhân dân ta đã nuôi dưỡng và bảo vệ Đảng từ những ngày còn trứng nước, hết lòng tin yêu Đảng, ủng hộ và ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Sức mạnh vô tận của nhân dân làm nên sức mạnh vô địch của Đảng; nguồn gốc sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt với nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Truyền thống đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí. Trải qua những thử thách khắc nghiệt trong nhà tù đế quốc, trước lưỡi lê, họng súng của kẻ thù hay trên chiến trường lửa đạn, những người cộng sản Việt Nam đã nêu những tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết gắn bó, thương yêu nhau; về tinh đồng chí, đồng đội. Chính tinh nghĩa cộng sản đó đã gắn kết những người cách mạng Việt Nam thành một đội tiên phong gang thép được nhân dân tin yêu, bạn bè ngưỡng mộ, kẻ thù khiếp sợ; tạo thành sức mạnh để Đảng ta vượt qua mọi thử thách, hy sinh, giữ vững niềm tin và giữ gìn cao ngọn cờ lãnh đạo.

Truyền thống đoàn kết quốc tế thuỷ chung, trong sáng dựa trên những nguyên

tắc và mục tiêu cao cả. Đây là cơ sở vững chắc để Đảng ta hình thành và thực hiện thành công đường lối đối ngoại đúng đắn qua các thời kỳ, phát huy đến đỉnh cao sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa cách mạng Việt Nam liên tục phát triển.

Những truyền thống quý báu của Đảng ta là sự kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân quốc tế trên một tầm cao mới của thời đại; là sức mạnh bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng; là kết quả của quá trình vun trồng, xây đắp bền bỉ, là sự hy sinh xương máu, phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ cán bộ, đảng viên.

Những truyền thống ấy của Đảng có ý nghĩa dân tộc và ý nghĩa quốc tế sâu sắc, thể hiện tinh thần cách mạng triệt để. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã nắm bắt đúng xu thế phát triển của thời đại, gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, giải quyết đúng đắn vấn đề độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Trên con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã không ngừng đưa ra những quyết sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu lịch sử, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa nước nhà đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2. Tích cực xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh

Những thắng lợi vĩ đại trong 90 năm qua kể từ ngày có Đảng lãnh đạo là minh chứng sinh động nhất về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và sức mạnh to lớn của Nhân dân ta. Đảng đã không ngừng tự đổi mới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trước bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Đảng ta đã dành không ít thời gian và công sức cho công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, được đặt ra trong nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, với quyết tâm chính trị cao, Ban Chấp hành Trung ương đã bám sát 6 nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội, ban hành 4 nghị quyết và 01 quy định để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành 124 văn bản (nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, kế hoạch, hướng dẫn...) về công tác xây dựng Đảng, trong đó kịp thời ban hành các nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ mới, quan trọng như: thực hiện một số mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy; việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức chạy quyền; trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và chiến lược an ninh mạng quốc gia; về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Việc Trung ương ban hành kịp thời, đồng bộ hệ thống văn bản trên hầu hết trên các lĩnh vực đã tạo cơ sở chính trị quan trọng để đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới.

Sau thời gian triển khai thực hiện, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được những chuyển biến tích cực và kinh nghiệm quan trọng. Bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực lãnh đạo của Đảng ngày càng được nâng lên; Đảng luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức trong bối cảnh trong nước, khu vực, thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường và có những quyết sách phù hợp để chỉ đạo xử lý kịp thời, hiệu quả. Bản chất, lập trường giai cấp công nhân của Đảng được giữ vững. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt và người đứng đầu các cấp từng bước được nâng lên. Tinh thần tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên có tiến bộ; việc ngăn chặn, xử lý tiêu cực, sai phạm, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí có chuyển biến rõ nét. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay đã có trên 50 nghìn cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật, trong đó có hơn 70 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã kỷ luật 7 tổ chức đảng. Tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, ý thức trách nhiệm của cán bộ đổi mới với công việc được giao được nâng lên, góp phần khắc phục một bước tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Niềm tin của cán bộ và các tầng lớp nhân dân đối với Đảng ngày càng được củng cố và nâng cao.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều việc phải làm, nhất là việc đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa dân... Các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; chúng ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước ta, đánh thảng vào hệ tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng, kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta từ gốc, từ bên trong, hết sức thâm độc và nguy hiểm.

Trong tình hình ấy, chúng ta càng cần phải tập trung làm tốt hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Phương hướng chung của việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay là phải tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm cho Đảng đủ sức lãnh đạo sự nghiệp của đất nước không ngừng phát triển.

Trong điều kiện Đảng ta là Đảng cầm quyền, hoạt động trong môi trường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế; cán bộ, đảng viên giữ nhiều trọng trách, đổi mới với bao cảm dỗ, với mặt trái của cơ chế thị trường, chúng ta càng phải chăm lo giữ vững bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng. Nếu không nhận thức sâu sắc điều này, nếu cán bộ, đảng viên không tích cực và kiên trì rèn luyện thì rất dễ bị thoái hóa, biến chất. Vấn đề

giữ vững bản chất của Đảng - là một Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, hoạt động vì sự nghiệp của giai cấp công nhân, của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân là vấn đề hết sức cơ bản và quan trọng.

Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã khẳng định: Phải nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Kết hợp giữa "xây" và "chống"; "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; "chống" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. Kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là cán bộ cấp cao, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp là nòng cốt; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có hiệu quả, nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương của Đảng; đề cao pháp luật của Nhà nước. Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị.

*

Phần thứ hai:

KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH

(28/3/1930 - 28/3/2020)

VÀ 45 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG TỈNH QUẢNG NAM

(24/3/1975 - 24/3/2020)

I. ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NAM RA ĐỜI - BUỚC NGOẶT LỊCH SỬ TRONG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

1. Bối cảnh ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam

1.1. Tình thần đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Quảng Nam trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Quảng Nam là vùng đất có bề dày lịch sử lâu đời, với truyền thống yêu nước nồng nàn và tinh thần bất khuất. Vùng đất Quảng Nam đã sản sinh ra các chí sĩ, hào kiệt, anh tài như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Nguyễn Thành, Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu... Người dân Quảng Nam không bao giờ khuất phục kẻ thù để sống cảnh sống nô lệ, không chịu khoanh tay ngồi nhìn trước cảnh nước mắt, nhà tan, đã vùng dậy đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược để giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân.

Ở vùng đất được coi là nơi “đầu sóng ngọn gió”, người dân Xứ Quảng luôn

khẳng định là những người “tận trung với nước”, “trung dũng, kiên cường”, “hành động sáng tỏ”. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (9/1858), các phong trào yêu nước ở Quảng Nam nổ ra sôi nổi và liên tục. Tiêu biểu là phong trào Càn Vương cứu nước (cuối thế kỷ XIX), phong trào Đông Du (1905 - 1909), phong trào Duy Tân (1904 - 1908), phong trào chống Thuế 1908, cuộc vận động khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân (1916)...

Mặc dù kết quả của các phong trào đấu tranh yêu nước đều đi đến thất bại do chưa có một đường lối cách mạng đúng đắn soi sáng dẫn đường; song, đã cỗ vũ tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất, kiên cường của các tầng lớp nhân dân trước sự hung bạo của kẻ thù xâm lược.

1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm đầu thế kỷ XX

Sau khi thực dân Pháp hoàn thành cuộc xâm lược và đặt ách thống trị trên đất nước ta, cùng chung số phận của cả nước, nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng phải gánh chịu những chính sách cai trị hà khắc. Trước sự bất lực của triều đình phong kiến, Quảng Nam trở thành đất “bảo hộ”, Đà Nẵng trở thành đất “nhượng địa” của bọn thực dân.

Về kinh tế: Chúng tiến hành tu bổ cảng Đà Nẵng, kiến thiết đường sắt Bắc - Nam, xem đó là hai công cụ chủ yếu trước mắt để phục vụ cho việc khai thác thuộc địa trên đất Quảng Nam - Đà Nẵng; giữ độc quyền về ngân hàng; hàng rào thuế; độc quyền về muối, rượu, thuốc phiện; đánh thuế gián thu cao; khai thác nguồn lợi về cây công nghiệp và cây lúa; chiếm đoạt nhiều hecta đất canh tác để lập đồn điền lúa. Đối với tài nguyên khoáng sản, thực dân Pháp chiếm đoạt mỏ đã có sẵn ở các địa phương như mỏ than Nông Sơn, vàng Bồng Miêu, kẽm ở Đức Bố; sử dụng các thủ đoạn bóc lột phi kinh tế nhằm làm cho ngân sách phình ra bằng các thứ thuế như thuế điền, thuế đinh, thuế “phụ thu lạm bộ”, thuế máu và quốc trái; chúng đẩy mạnh việc “bắt xâu” làm được nhằm phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa...

Về văn hóa: Chúng thi hành chính sách ngu dân để dễ bề cai trị; 90% dân số không biết chữ. Chúng lập nhà tù nhiều hơn trường học, trong tỉnh chỉ có trường tiểu học, học sinh muốn học lên bậc trung học phải ra Huế; chúng gieo rắc tâm lý vong bần, tự ti dân tộc, dùng văn hóa phản động, truy lục để đầu độc dân ta, ngăn chặn mọi ảnh hưởng văn hóa, văn minh, dân chủ tiến bộ vào tỉnh ta, kể cả văn hóa Pháp; chúng cho phép mở sòng bạc, tiệm hút, nhà chứa gái, phát động các hủ tục mê tín.

Chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp là chính sách độc quyền về kinh tế, chuyên chế về chính trị, biến Quảng Nam và Đà Nẵng thành nơi khai thác nguyên liệu, bóc lột nhân công và tiêu thụ hàng hóa Pháp, biến triều đình phong kiến thành chính quyền bù nhìn tay sai.

1.3. Tiền đề thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam

Ở Quảng Nam và Đà Nẵng, sau khi các phong trào yêu nước và các cuộc vận

động cách mạng đầu thế kỷ XX bị thất bại, nhiều tổ chức yêu nước ra đời. Cuối năm 1925, ở Tam Kỳ có *Hội trí thức thể thao* đã tập hợp 50 hội viên còn lại của phong trào Duy Tân, có chương trình điêu lệ giảng giải sách báo, tập luyện võ dân tộc, nhưng sau đó bị lộ vì có kẻ xấu báo với địch. Đầu năm 1926, *Hội Ái hữu lái xe miền Trung* được thành lập đã tập hợp anh em lái xe từ Đà Nẵng đến Nha Trang, giúp đỡ nhau lúc khó khăn tai nạn và giáo dục tinh thần yêu nước với 200 hội viên.

Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Quảng Nam - Đà Nẵng: tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên; tháng 9/1927, Chi bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Đà Nẵng được thành lập do Đỗ Quang làm Bí thư. Ở Hội An, tháng 10/1927, một chi bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập do Phan Thêm (tức Cao Hồng Lãnh) làm Bí thư. Tháng 5/1929, tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên phát triển ra nông thôn, nâng tổng số hội viên ở Quảng Nam - Đà Nẵng lên 50 người; Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên nhanh chóng trở thành một tổ chức chính trị có ảnh hưởng lớn trong tỉnh; ngày 28/6/1928, Hội phát truyền đơn kêu gọi Hoa kiều điện về nước đòi Lý Tế Thâm phải thả một số cán bộ lãnh đạo của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu; đầu năm 1929, Hội vận động giúp đỡ công nhân hãng Staca đấu tranh chống bọn chủ đánh đập, phạt lương.

Hội viên của Đảng Tân Việt ở Quảng Nam - Đà Nẵng: Đảng Tân Việt là một tổ chức yêu nước, địa bàn hoạt động chủ yếu là ở miền Trung, lúc mới thành lập chưa có đường lối chính trị và chương trình hoạt động rõ ràng; ở tỉnh ta, vào tháng 12/1926, có một Tổ Tân Việt đầu tiên được thành lập; năm 1927, Tổ phát triển thêm 5 đảng viên, lập ra một chi bộ đảng, tuy nhiên ảnh hưởng của Đảng Tân Việt không được sâu rộng như Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

Các tổ chức yêu nước trên phản ánh yêu cầu bức thiết của phong trào yêu nước tinh ta là phải hình thành tổ chức cách mạng, không chỉ hoạt động yêu nước mà là tổ chức chính trị có đường lối cứu nước rõ ràng. Các tổ chức tiền thân của Đảng ra đời đáp ứng yêu cầu ấy.

2. Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam

Ngày 3/2/1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản đã họp ở Cửu Long, gần Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị đã thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở hợp nhất ba tổ chức tiền thân là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức ra đời.

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, sau khi nghe phái viên của Đảng Cộng sản Việt Nam báo tin thắng lợi của Hội nghị Cửu Long, phổ biến Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt, Điều lệ tóm tắt, Tỉnh bộ lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng Quảng

Nam nhất trí thực hiện chủ trương hợp nhất của Trung ương Đảng.

Ngày 28/3/1930, tại địa điểm Cây Thông Một, xã Cẩm Hà (nay là khối phố Tân Thành, phường Tân An, thành phố Hội An), Ban Chấp hành lâm thời Tỉnh Đảng bộ Quảng Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam ra Thông cáo về việc thành lập Đảng bộ và công bố từ nay chỉ có một Đảng Cộng sản duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam dẫn đường cho công, nông, binh, nhân dân lao động bị áp bức đấu tranh giành độc lập dân tộc. Thông cáo nêu rõ: "... phong trào cộng sản ở nước ta phát triển qua một con đường mới, tức là Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành lập, Đảng của thợ thuyền, dân cày và những người lao khổ bị áp bức bóc lột ở nước ta". Đề cập sự thống nhất về chính trị, tư tưởng của phong trào cách mạng trong tỉnh sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, bản Thông cáo viết: "Phong trào cộng sản tỉnh Quảng Nam ta cùng xu hướng chung với cả nước, nó phát triển trên cơ sở đấu tranh của vô sản dân cày và những người bị áp bức trong tỉnh". Ban Chấp hành lâm thời của Đảng bộ tỉnh gồm các đồng chí: Phan Văn Định, Phạm Thâm, Nguyễn Thái; đồng chí Phan Văn Định làm Bí thư, đồng chí Phạm Thâm làm Phó Bí thư. Về sau, Xứ ủy tăng cường thêm 3 cán bộ tham gia vào Tỉnh ủy, đồng chí Phan Văn Định đề cử đồng chí Phạm Thâm làm Bí thư vì đồng chí Phạm Thâm có điều kiện đi lại hoạt động ở nông thôn, sâu sát phong trào hơn.

Sau khi Đảng bộ tỉnh Quảng Nam ra đời, Tỉnh ủy đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức huấn luyện và vận động quần chúng tham gia các phong trào đấu tranh để lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào Đảng, xây dựng, củng cố các tổ chức của Đảng. Tỉnh ủy phân công các đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách các địa phương để tuyên truyền, kết nạp đảng viên và thành lập các tổ chức Đảng ở các phủ, huyện trong tỉnh. Tại Đà Nẵng, Thị ủy lâm thời do Xứ ủy lập ra trước đây vẫn còn giữ nguyên nhưng phát triển thêm nhiều đảng viên mới, lập thêm một chi bộ mới 5 người, Nguyễn Sơn Trà làm Bí thư đã tổ chức cơ sở công hội trong hỏa xa, nhà đèn, bưu điện. Tại Hội An, nơi Tỉnh ủy lâm thời đóng cơ quan đã hình thành được 2 chi bộ, có 11 đảng viên. Tại Điện Bàn, sau khi Đảng bộ tỉnh thành lập đã có 01 chi bộ Đảng và đến tháng 9/1930, đã phát triển thành 02 chi bộ: Chi bộ Bát Nhị Cẩm Lộ và Chi bộ Hà Thanh - Bích Trâm - La Thọ - Thanh Chiêm - An Quán. Tại Đại Lộc, hình thành 2 nhóm: một nhóm ở tổng Đức Hạ và một nhóm ở tổng Đại An, có 4 đảng viên. Tại Duy Xuyên, đến tháng 10/1930 có 29 đảng viên, tổ chức thành 5 chi bộ: Tân Mỹ Đông, Mã Châu, Đông Yên, Trà Kiệu, Thi Lai. Các tổ chức nông hội, cựu tế đỗ phát triển. Tại Quế Sơn, lập Chi bộ Nghi Trung và Nghi Hạ. Tại Tam Kỳ, một chi bộ Đảng được thành lập tại Chùa Ông.

Đảng bộ tỉnh Quảng Nam từ khi ra đời đến cuối năm 1930, phát triển được 70 đảng viên. Nếu tính cả đảng viên ở Đà Nẵng thì có 80 đảng viên. Hàng trăm quần chúng trung kiên được kết nạp vào Công hội đỗ, Nông hội đỗ, Cựu tế đỗ. Chúng ta

còn vận động nhiều lực lượng quần chúng khác tham gia, ngay đến cả những người phục vụ trong tòa Công sứ Pháp tại Hội An.

3. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tiền đề quan trọng dẫn đến sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam. Sự kiện thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam đánh dấu một mốc son quan trọng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Nam, đưa phong trào cách mạng địa phương bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh dân tộc, dân chủ theo ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng bộ tỉnh Quảng Nam ra đời là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh cách mạng bền bỉ, tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân và những đảng viên cộng sản ở Quảng Nam; đặc biệt là những đảng viên thuộc thế hệ đầu tiên của Đảng bộ đã nhạy bén trong việc nắm bắt chủ trương và kịp thời chuyển hướng để thành lập Đảng bộ. Sự kiện này đã giải quyết được sự khủng hoảng về đường lối của các phong trào yêu nước diễn ra vào đầu thế kỷ XX; dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương, để ra những chủ trương thích hợp, sát đúng, nhờ đó đã lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

II. ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NAM - CHẶNG ĐƯỜNG 90 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

1. Lãnh đạo công cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

Ngay sau khi ra đời, Đảng bộ tỉnh đã chú trọng công tác phát triển đảng viên mới khắp các địa phương. Nhờ đó, nhiều huyện, thị trong tỉnh đều có đảng viên, tổ chức đảng, nhất là ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Đại Lộc... Đây là điều kiện quan trọng để phong trào cách mạng ở Quảng Nam phát triển sâu rộng, mở đầu là cao trào đấu tranh trong những năm 1930 - 1931. Hướng ứng chủ trương của Trung ương, nhiều nơi trong tỉnh, nhất là Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên tổ chức kỷ niệm Ngày Quốc tế lao động 01/5; sau đó là các hoạt động ủng hộ phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh, chống chiến tranh đế quốc... Tháng 10/1930, thực dân Pháp tiến hành các biện pháp đàn áp dã man phong trào, tổ chức đảng trong tỉnh bị đánh vỡ, phong trào cách mạng tạm thời bị lắng xuống.

Từ cuối năm 1931, phong trào cách mạng trong tỉnh dần dần được phục hồi. Cuối năm 1932, ở vùng An Hoà, phủ Tam Kỳ, với sự giúp đỡ của Tỉnh ủy Quảng Ngãi phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. Ngày 02/12/1930, tại khu vực rừng dừa Đồng Dân, thôn Thuận An, xã An Hòa (nay là thôn 1, xã Tam Hải, huyện Núi Thành), Chi bộ An Hòa được thành lập lấy tên là Chi bộ “Quang Ánh Minh”. Sự ra đời của Chi bộ An Hòa góp phần tạo sự phát triển liên tục của phong trào

cách mạng ở phủ Tam Kỳ và trong toàn tỉnh. Đầu năm 1933, tại khu vực rừng Định Phước (nay thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành), Chi bộ An Hòa họp kiểm điểm và bàn phương hướng nhiệm vụ. Tại hội nghị, thực hiện sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng miền Nam Trung Kỳ, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Quảng Nam được thành lập trên cơ sở Chi bộ An Hòa, Ban Chấp hành gồm 3 đồng chí: Võ Minh, Trần Học Giới và Lương Hiệp Phố, do đồng chí Võ Minh làm Bí thư.

Ngày 23/4/1935, đại biểu của Tỉnh ủy Quảng Nam đã cùng các đại biểu các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa họp ở Quảng Ngãi dưới sự chỉ đạo của đồng chí Tống Văn Tân, người được Thường vụ Trung ương Đảng cử vào giúp đỡ xây dựng các Đảng bộ ở các tỉnh miền Nam Việt Nam. Hội nghị bàn kế hoạch chuẩn bị kỷ niệm ngày 01/5/1935 bằng cách rải truyền đơn, mở nhiều cuộc mít tinh, gây khí thế cách mạng đưa phong trào ngày một cao hơn, giao trách nhiệm cho Tỉnh ủy Quảng Nam liên hệ với nhóm “Vùng Hồng” ở Bắc Trung kỳ. Tuy nhiên, chỉ vài ngày sau hội nghị, địch phát hiện và đánh phá phong trào các tỉnh nói trên. Ở Quảng Nam, các đồng chí trong Tỉnh ủy bị bắt, phong trào cách mạng ở Quảng Nam đứng trước những khó khăn thử thách mới.

Những năm 1936 - 1939, Tỉnh ủy được khôi phục và lãnh đạo thành công phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Tiêu biểu là các hoạt động: phát động phong trào triệu tập Đông Dương Đại hội; phong trào đón phái bộ Gô-đa sang điều tra tình hình Đông Dương, vận động tranh cử cho Phan Thanh, sau đó là Đặng Thai Mai vào Viện Dân biểu Trung Kỳ; phong trào chống dự án tăng thuế của Khâm sứ Trung Kỳ... Những phong trào trên đã thể hiện năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong những giai đoạn khó khăn nhất, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng cả nước.

Thời kỳ 1939 - 1945, Đảng bộ Quảng Nam lại phải đổi mới với rất nhiều khó khăn, thử thách với ba lần bị đánh phá khốc liệt. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên đã bị bắt và tù đày. Lần thứ nhất vào tháng 10/1939, lần thứ hai vào năm 1942, lần thứ ba vào năm 1943. Tuy nhiên, cứ mỗi lần bị địch đánh phá, phong trào cách mạng lại phục hồi một cách mạnh mẽ. Năm 1941, Tỉnh ủy đã lãnh đạo chuyển hướng phong trào của địa phương theo chương trình của Mặt trận Việt Minh. Tháng 4/1944, Tỉnh ủy Quảng Nam được lập lại đã nhanh chóng lãnh đạo khôi phục phong trào cách mạng trong toàn tỉnh.

Những ngày đầu tháng 8/1945, ở Quảng Nam, bộ máy thống trị tay sai của Nhật từ phủ, huyện, đến cơ sở đã bị tê liệt, quần chúng được tập hợp dưới ngọn cờ hiệu triệu của Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng hướng ứng khởi nghĩa. Trước tình thế đó, Tỉnh ủy triệu tập cuộc họp khẩn cấp bàn kế hoạch chớp thời cơ khởi nghĩa. Hội nghị Tỉnh ủy quyết định: Phát động toàn dân trong tỉnh nổi dậy giành chính quyền; chuyển tất cả các cấp ủy Đảng và Ủy ban Việt Minh các cấp thành Ủy ban bạo động khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương; thành lập “Ủy ban bạo động

giành chính quyền tỉnh Quảng Nam”.

Đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa Trung ương đã ra mệnh lệnh Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc (Quảng Nam chưa nhận được) làm cho chủ trương khởi nghĩa của Tỉnh ủy Quảng Nam kịp thời và phù hợp với mệnh lệnh khởi nghĩa của Trung ương. Tất cả các cấp ủy Đảng và Ủy ban Việt Minh các cấp trong toàn tỉnh đã họp cấp tốc và chuyển thành Ủy ban bạo động.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trên địa bàn tỉnh giành thắng lợi một cách nhanh chóng, đưa Quảng Nam trở thành một trong 4 tỉnh giành chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam đã góp phần đưa Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong cả nước thắng lợi hoàn toàn, dẫn đến sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra một trang mới trong lịch sử dân tộc.

2. Lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng 8/1945, Tỉnh ủy từ hoạt động bí mật chuyển sang hoạt động công khai với nhiệm vụ mới và nặng nề. Đảng bộ vừa củng cố, phát triển tổ chức đảng, vừa lãnh đạo nhân dân trong tỉnh tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, thực hiện các chủ trương của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh; chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, quân và dân ta đứng trước những khó khăn, thách thức lớn. Từ cuối tháng 8/1945, hơn 3.000 quân Nhật từ các nơi đổ dồn về Đà Nẵng để xuống tàu hồi hương đòi hỏi ta phải đáp ứng các nhu cầu thiết yếu về ăn ở, đi lại. Từ ngày 15/9/1945, hơn 3.000 quân thuộc Quân đoàn 60 của Tưởng Giới Thạch kéo vào Đà Nẵng, rồi chiếm Vĩnh Điện, Hội An với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật và giữ gìn an ninh trật tự nhưng chúng luôn tỏ ra ngang ngược, không tôn trọng chủ quyền của ta. Chúng tung đồng Quan kim mất giá ra tiêu thụ gây rối loạn thị trường. Chúng còn ra tay sát hại một số cán bộ cách mạng, tự vệ làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự, gây ra nhiều căm phẫn cho nhân dân. Dựa hơi quân Tưởng, bọn phản động tay sai ngóc đầu dậy phá hoại cách mạng. Bọn Quốc dân Đảng công khai thành lập Đảng bộ Quảng Nam do Hoàng Tăng làm Bí thư. Chúng in ấn, phát tài liệu kích động đồng bào ta nổi dậy chống chính quyền cách mạng ở một số địa phương như Duy Xuyên, Tam Kỳ..., gây chia rẽ, phá hoại, làm mất ổn định chính trị, xã hội.

Tối ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến. Đúng 06 giờ 30 phút ngày 20/12/1946, tiếng súng diệt thù trên chiến trường Đà Nẵng vang lên. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng chính thức bắt đầu. Từ ngày 15/3/1947, quân Pháp đã đánh chiếm toàn bộ Hội An và bờ Bắc sông Vu Gia (Ái Nghĩa, Đại Lộc), Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến tỉnh di chuyển khỏi Hội An để chuyển vào đứng chân tại Đặc khu

Hoàng Văn Thụ¹. Để đối phó với âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của quân Pháp, Tỉnh ủy đã chỉ đạo lực lượng đánh kim chân địch ở Đà Nẵng, Hòa Vang. Đến tháng 6/1947, buộc chúng phải dừng chân ở sát bờ nam sông Thu Bồn. Từ đây, Tỉnh ủy lãnh đạo vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng địch tạm chiếm, vừa xây dựng, củng cố, bảo vệ vùng tự do.

Cuối tháng 3/1947, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng để học tập các quan điểm kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh của Đảng. Hội nghị chủ trương: Ra sức củng cố Đảng, chính quyền, đoàn thể. Gấp rút tổ chức bố phòng vùng tự do, tăng cường công tác phòng gian bảo mật. Vận động đồng bào hồi cư. Chống, phá địch lập tề và bình định vùng tạm chiếm.

Ngày 06/01/1949, Tỉnh ủy tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ I tại làng Trung Định. Đại hội chủ trương: Đẩy mạnh các mặt hoạt động vào vùng địch chiếm, nhất là Đà Nẵng, Hội An. Phát động du kích chiến tranh, xây dựng cơ sở vũ trang, chính trị, địch vận và mở rộng công tác vận động quần chúng sẵn sàng phục vụ bộ đội đánh địch. Huy động toàn dân tích cực chuẩn bị đề phòng những cuộc tiến công, nhảy dù hay đổ bộ của giặc vào vùng tự do. Tăng cường công tác bố phòng ven biển, dọc quốc lộ, thực hiện công tác cảnh giác, phòng gian bảo mật, cất giấu tài sản, sẵn sàng đối phó với địch trong mọi tình huống.

Sau chiến dịch Hè Thu năm 1949 của ta, địch rút bỏ hàng loạt chốt điểm ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc... vùng tự do của tỉnh được mở rộng. Tỉnh ủy đã lãnh đạo củng cố vùng tự do, phát triển chiến tranh vùng tạm bị chiếm, đánh bại các âm mưu của thực dân Pháp, nhất là kế hoạch chiêu an và dồn dân của địch.

Từ cuối năm 1953, toàn tỉnh phối hợp với chiến trường cả nước, đánh bại kế hoạch Át - lăng của địch, lập nên chiến thắng Bồ Bồ (Điện Bàn), góp phần cùng quân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn, buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Gio-ne-vơ, thừa nhận nền độc lập của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Theo Hiệp định Gio-ne-vơ, Quảng Nam do địch tạm thời kiểm soát, sau hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Bước ngoặt này đặt ra cho Đảng bộ Quảng Nam nhiều thử thách mới: vừa sắp xếp tổ chức lại hệ thống tổ chức đảng, hoàn thành việc chuyển quân tập kết; vừa lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Gio-ne-vơ. Tuy vậy, bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm được Mỹ giúp sức đã ngang nhiên vi phạm trắng trợn nội dung Hiệp định, tiến hành đàn áp dã man phong trào cách mạng của nhân dân ta. Hàng ngàn đảng viên bị sát hại, nhiều tổ chức đảng bị đánh phá hoặc không thể tổ chức hoạt động. Tuy nhiên, trong hy sinh, tổn thất, nhiều cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất cao quý của người cộng sản, đấu

¹ "Lịch sử LLVTND tỉnh Quảng Nam (1945-1954)", sđd, tr. 81 và Tỉnh ủy Quảng Nam-Thành ủy Đà Nẵng: "Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam-Đà Nẵng (1930-1975)", Nxb. CTQG, tr.228.

tranh kiên quyết với kẻ thù. Đảng bộ tỉnh vẫn vững vàng lãnh đạo phong trào giữ gìn lực lượng để từng bước khôi phục phong trào.

3. Lãnh đạo kháng chiến, đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975)

Giai đoạn 1954 - 1960, bất chấp các âm mưu thủ đoạn đánh phá thâm độc của Mỹ - Diệm, cán bộ, nhân dân đã dấy lên phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ và rộng khắp trên địa bàn, chống địch khủng bố trả thù, chống trò hè “trung cầu dân ý”, chống bầu cử quốc hội... đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Gio-ne-vơ thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ... gây cho địch nhiều khó khăn. Trong chống quốc sách “Tố cộng”, “Diệt cộng” của Mỹ - Diệm, nhiều đảng viên, cán bộ trụ bám chịu nhiều hy sinh tổn thất trước những thủ đoạn đánh phá của địch. Sự lăn lộn của cán bộ bám cơ sở trong lúc phong trào gặp nhiều khó khăn càng củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Tháng 6/1959, thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Quảng Nam đã từng bước lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, đưa đến cuộc Đồng khởi vào cuối năm 1964, đầu năm 1965, làm chủ đại bộ phận nông thôn, đồng bằng.

Giai đoạn 1961 - 1965, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo quân dân trong tỉnh đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng. Thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương, phong trào cách mạng trong tỉnh từ chỗ khó khăn, tổn thất, đã từng bước khắc phục, chuyển đến đồng khởi giải phóng đại bộ phận nông thôn, đồng bằng, chuyển phong trào thành phố lên mạnh mẽ, phối hợp ba vùng và các thành phố ở miền Nam đẩy địch vào thế suy yếu, góp phần cùng quân dân trong Khu, trong miền đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Thắng lợi đồng khởi đánh thắng “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở Quảng Nam, Quảng Đà trước hết là thắng lợi của việc thực hiện đường lối, phương châm đấu tranh cách mạng miền Nam của Đảng. Trong quá trình chỉ đạo cách mạng ở địa phương, Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng luôn coi trọng việc kết hợp giữa ba vùng chiến lược như miền núi, nông thôn và thành phố. Ba vùng chiến lược “như kiềng ba chân”, luôn hỗ trợ cho nhau, dựa vào nhau, phát huy thế mạnh của nhau, giúp nhau vượt qua khó khăn, cùng nhau hợp lực tạo thành sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Những kinh nghiệm bước đầu, cùng với những thành quả đã giành được trong công cuộc đồng khởi đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ tạo ra một lực mới, một thế chiến lược mới để quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà cùng cả nước sẵn sàng đối phó với đế quốc Mỹ khi chúng tiếp tục đưa quân Mỹ và quân chư hầu mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam lên mức cao độ.

Giai đoạn 1965 - 1968, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Trong đấu tranh chống chiến lược

“Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, Đảng bộ tỉnh đã chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, phương châm cách mạng của Đảng, vận dụng sáng tạo 3 mũi giáp công, 3 vùng chiến lược, phát huy sức mạnh tổng hợp để thắng địch, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, đi đầu diệt Mỹ. Qua hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967, Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã chịu đựng khó khăn gian khổ, ác liệt hy sinh to lớn, ra sức đánh địch, càng đánh càng trưởng thành, càng mạnh, tạo ra nhiều cách đánh của từng loại quân, nhiều hình thức đấu tranh chính trị, binh vận, tấn công địch trên cả 3 vùng miền núi, nông thôn đồng bằng và thành phố, thị xã. Chiến thắng Núi Thành, Gò Hà lịch sử và nhiều chiến công vang dội khác đã góp phần vào kinh nghiệm đánh Mỹ của nhân dân miền Nam và cả nước. Trong 3 đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ta đã tiêu diệt được bộ phận quan trọng sinh lực địch, giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, góp phần đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của quân Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Giai đoạn 1969 - 1972, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo quân dân đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã vượt qua chặng đường đầy khó khăn, gian khổ và ác liệt, góp phần cùng cả nước đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Từ giữa năm 1970 trở đi, ta kịp thời chỉ đạo chuyển hướng hoạt động, tập trung sức phản công kế hoạch bình định nông thôn của địch, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng tiến tới mờ đợt hoạt động phối hợp với cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam năm 1972 làm xoay chuyển hẳn cục diện chiến trường có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để tiến lên giành thắng lợi. Thực tế cho thấy, Đảng bộ đã động viên và tổ chức nhân dân tiến hành chiến tranh với nhiều hình thức và phương pháp cách mạng phù hợp, sáng tạo, vừa kiên quyết, triệt để, vừa uyển chuyển, linh hoạt, nhân lên gấp bội sức mạnh tổng hợp của lực lượng cách mạng. Trong đó, phương châm “hai chân” (quân sự, chính trị), ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, ngoại giao), tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược (nông thôn đồng bằng, miền núi và đô thị) đã thật sự phát huy hiệu quả. Đó cũng chính là nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Giai đoạn 1973 - 1975, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo quân dân thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng, giải phóng quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng và góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy liên tục suốt 27 ngày đêm (từ ngày 3/3 đến ngày 29/3/1975) của quân và dân Quảng Nam, Đà Nẵng với sự hỗ trợ của chủ lực Bộ và Quân khu đã giành được thắng lợi toàn thắng, giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng, đập tan căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất của Mỹ - ngụy ở miền Trung, tiêu diệt và làm tan rã 10 vạn quân ngụy, giải tán ngụy quyền các cấp. Sau 117 năm kể từ khi bị thực dân Pháp

đánh chiếm rồi bị biến thành “nhượng địa”, đến nay Đà Nẵng mới hoàn toàn được giải phóng, chấm dứt vĩnh viễn bóng đêm của chủ nghĩa thực dân. Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng thực sự làm chủ quê hương, bắt tay vào công cuộc xây dựng xã hội mới, chế độ mới. Thắng lợi này trước hết là nhờ chủ trương và quyết tâm chiến lược sáng suốt, tài giỏi của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương; nhờ sự chỉ đạo sâu sát, nắm bắt nhanh tình hình để chỉ đạo chuyển hướng nhiệm vụ, kịp thời tranh thủ thời cơ của Khu ủy V mà người đứng đầu là đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy; thể hiện tính năng động, sáng tạo và thực hiện kịp thời các chỉ thị của cấp trên của Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà. Thắng lợi của công cuộc giải phóng hoàn toàn Quảng Nam - Đà Nẵng là thắng lợi của đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, thắng lợi của nghệ thuật lãnh đạo quân sự tài tình với phương châm “hai chân, ba mũi giáp công”, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Đảng bộ và lực lượng vũ trang Quảng Nam - Đà Nẵng đã vận dụng và thực hiện thành công tư tưởng chiến lược của Trung ương Đảng và Khu ủy V với tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, tranh thủ thời cơ, đồng loạt đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Đặc biệt, trong thời gian 27 ngày đêm, sau chiến thắng Tiên Phước vào ngày 10/3/1975, đến đêm 21 rạng sáng ngày 22/3, các lực lượng của ta nổ súng tấn công toàn bộ các mục tiêu của địch ở vùng đồng thị xã Tam Kỳ, tiêu diệt trận địa pháo Núi Cẩm, đánh sập cầu Kỳ Phú, đánh bức đòn biệt lập 40 ở phía đông, khép chặt tinh ly Quảng Tín trong vòng vây. Đến chiều 23/3, toàn bộ các cơ quan đầu não của địch ở Quảng Tín đều bị tê liệt. Bộ Tư lệnh tiền phương Quân Khu V quyết định giải phóng thị xã Tam Kỳ và đúng 10 giờ 30 phút, ngày 24/3/1975, lá cờ quyết chiến, quyết thắng của quân giải phóng tung bay trên đỉnh cột cờ tinh ly Quảng Tín, thị xã Tam Kỳ được hoàn toàn giải phóng. Đây là một tinh ly trên quốc lộ 1A đầu tiên của miền Nam được giải phóng. Tiếp đến, ngày 29/3/1975, thành phố Đà Nẵng được giải phóng, kết thúc thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc trên quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng trung dũng, kiên cường.

Ngày 24/3/1975 đã đánh dấu một mốc son lịch sử giải phóng quê hương Quảng Nam và ngày 29/3/1975 đi vào lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng mãi mãi như một ngày hội lớn của nhân dân, đánh dấu giai đoạn hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chuyển sang giai đoạn phát triển mới - giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Lãnh đạo ổn định tình hình, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống của nhân dân (1975 - 1986)

Trải qua 30 năm chiến tranh ác liệt, nhất là trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Nam và Quảng Nắng phải chịu những thiệt hại vô cùng to lớn: 20% dân số bị chết và thương tật (201.000 người chết và có 82.000 người được công nhận là liệt sĩ, trong số 137.147 người bị thương, có 41.922 người được

công nhận là thương - bệnh binh); 927/1.118 thôn bị cày ủi, tàn phá. Số bom, mìn còn sót lại trong chiến tranh vẫn còn nằm rải rác khắp nơi, trực tiếp đe dọa đến tính mạng của nhân dân. Cơ sở vật chất vùng nông thôn đồng bằng và miền núi bị tàn phá nhiều và hầu như không có gì. Nền công nghiệp rất nhỏ bé, què quặt, lại lệ thuộc vào nước ngoài; tiểu thủ công nghiệp ít phát triển, các ngành nghề truyền thống bị mai một. Nông nghiệp phát triển kém, năng suất cây trồng thấp, đất nông nghiệp bị thu hẹp, bị chiếm dụng làm căn cứ quân sự, khu dồn, áp chiến lược...

Cùng với những hậu quả của chiến tranh tàn phá để lại, tình hình trong nước và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, tác động không nhỏ đến địa phương... Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của quê hương, nắn vũng và vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, từng bước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, khắc phục hậu quả chiến tranh, nỗ lực phấn đấu và giành được những thành tựu quan trọng trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 04/10/1975, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Khu Trung Trung Bộ ra Quyết định số 119/QĐ, về việc hợp nhất tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Bộ máy tinh Quảng Nam - Đà Nẵng bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 12/10/1975, tinh lý đặt tại thành phố Đà Nẵng. Giai đoạn 1975 - 1979, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa sản xuất để phát triển, giải quyết đời sống, cải tạo xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; với phương châm "vừa làm, vừa rút kinh nghiệm", Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã vượt qua vô vàn khó khăn, thử thách và đạt được những thành tựu rất quan trọng: từ một tỉnh đồng dân, đất nông nghiệp ít, thiếu lương thực triền miên nhưng đã vươn lên tự trang trải phần lớn nhu cầu lương thực; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phục hồi mạnh mẽ, tác động lớn đến các mặt sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

Giai đoạn 1979 - 1985, trong điều kiện đất nước nói chung và tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng nói riêng gặp nhiều khó khăn, thách thức, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã thực hiện tốt việc cải tạo kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đặc biệt, từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, tỉnh đã mạnh dạn áp dụng nhiều cơ chế mới: xuất khẩu hải - nông sản để nhập xăng dầu cho nông ngư nghiệp; dành ruộng đất đào ao nuôi cá; vận dụng 2 giá lương thực; bù giá lương thực; mở rộng liên kết với các tỉnh bạn để trao đổi hàng hóa phục vụ nhu cầu trong tỉnh; khai thác 4 thế mạnh của địa phương là nông nghiệp, công nghiệp, rừng và biển cùng vị trí trung độ của cả nước, cửa ngõ Tây Nguyên để từng bước phục hồi và đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đóng góp tích cực cho công cuộc chống xâm lược ở hai đầu đất nước, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

5. Lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới do Đại hội VI của Đảng khởi xướng (1986 - 1996)

Thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, trong những năm 1986 - 1990, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, chỉ thị để cụ thể hóa các nhiệm vụ, chủ trương một cách toàn diện, từ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, đến xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Trong việc đề ra chủ trương, nhiệm vụ mới, Tỉnh ủy đã chú ý các chủ trương, nhiệm vụ về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trước hết trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xuất khẩu, tập trung các nguồn lực để thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn là: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Công tác quốc phòng, an ninh được đảm bảo, nhất là chống vượt biên, vượt biển, giữ ổn định để phát triển. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được quan tâm, có những chuyển biến tích cực trong tất cả các mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức theo đường lối đổi mới của Đảng, nhất là đổi mới tư duy trong việc đề ra các chủ trương phát triển; có những chuyển biến tích cực trong việc chỉnh đốn Đảng. Công tác xây dựng chính quyền theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành. Mặt trận và các tổ chức chính trị được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở. Những nhiệm vụ, chủ trương của Tỉnh ủy đã bám sát vào những quan điểm, định hướng đổi mới của Trung ương và tình hình, yêu cầu thực tiễn của địa phương nên thời gian này, dù vẫn còn vướng những khó khăn, song Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã đạt được những thắng lợi bước đầu có ý nghĩa quan trọng.

Qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, bước đầu sức sản xuất đã được giải phóng, việc bố trí lại cơ cấu, sắp xếp lại sản xuất, tổ chức bộ máy quản lý có hiệu quả hơn. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được đổi mới cơ chế quản lý, sắp xếp lại sản xuất, phân công lại lao động, giải thể một số đơn vị quốc doanh làm ăn không hiệu quả... Lĩnh vực văn hóa - xã hội đã được quan tâm đầu tư đúng mức, nhất là ngành giáo dục và y tế; trong giáo dục, Tỉnh ủy đã chỉ đạo nhằm thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển giáo dục miền núi; trong y tế, tập trung cho chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, củng cố mạng lưới y tế cơ sở và phòng ngừa dịch bệnh...

Giai đoạn 1991 - 1996, trong bối cảnh mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ đã tác động tiêu cực đến tình hình nước ta, nhất là về mặt tư tưởng, nhưng với bản lĩnh của một Đảng bộ đã có bề dày lịch sử hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, đứng vững trên lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở thực hiện và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn địa phương, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân trong tinh thần vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thức thách và đạt được những thành tựu quan trọng. Chính trị ổn

định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; tiềm năng các thành phần kinh tế được khơi dậy, một số lĩnh vực có sự phát triển khá, lực lượng sản xuất của xã hội được tăng cường; đời sống nhân dân được cải thiện; văn hóa - xã hội tiến bộ, theo hướng xây dựng con người mới năng động, hội nhập với khu vực và quốc tế, biết trân trọng quá khứ và truyền thống quê hương; quốc phòng an ninh được đảm bảo, nhất là tình trạng vượt biên, vượt biển dàn chấn dứt; vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, hệ thống chính quyền các cấp từng bước được củng cố và vững mạnh; hoạt động đối ngoại được mở rộng; vai trò của Mặt trận, các đoàn thể chính trị được phát huy; tinh thần đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và niềm tin của nhân dân vào đường lối đổi mới được củng cố và tăng cường.

6. Lãnh đạo xây dựng và phát triển từ khi tái lập tỉnh Quảng Nam (1997) đến nay

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX, từ ngày 01/01/1997, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được chia thành hai đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Quảng Nam có diện tích tự nhiên 10.438 km², dân số gần 1,5 triệu người². Toàn tỉnh có 18 huyện, thị xã, thành phố (02 thành phố, 01 thị xã, 15 huyện); 244 xã, phường, thị trấn (207 xã, 25 phường, 12 thị trấn); 1.240 thôn, tổ dân phố. Đảng bộ tỉnh có 22 đảng bộ trực thuộc, 1.168 tổ chức cơ sở đảng, 3.291 chi bộ trực thuộc và 68.430 đảng viên³.

Sự kiện lịch sử chia tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành hai đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đã mở ra thời kỳ phát triển mới với nhiều cơ hội song cũng đặt ra nhiều khó khăn đối với Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam. Đây là giai đoạn Đảng bộ và nhân dân tỉnh phải đổi mới với nhiều khó khăn, thách thức do điểm xuất phát thấp, thiên tai liên tiếp xảy ra, đời sống nhân dân miền núi và vùng căn cứ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến vẫn chưa được ổn định, không ít nơi vẫn còn thiểu đói. Tuy nhiên, Đảng bộ tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, phát huy những thành tựu đã đạt được của những năm trước đó, đột phá vào những khâu là thế mạnh của địa phương, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đề ra cơ chế thu hút đầu tư, đưa nền kinh tế-xã hội tăng trưởng với tốc độ nhanh. Bên cạnh đó, hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố, nhất là công tác đào tạo, quy hoạch đội ngũ cán bộ ngày càng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ.

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, với truyền thống cách mạng kiên cường và dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng-an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đối ngoại, ...; các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân Quảng Nam đã đoàn kết, nêu cao quyết tâm, tập trung thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội được đề ra

² Kết quả điều tra dân số tháng 4/2019.

³ Số liệu tính đến ngày 6/8/2019.

trong nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, XVIII, XIX, XX và đang thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI. Trong đó, đáng chú ý là việc triển khai thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2000 - 2010, 2010 - 2020; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và XII về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Chỉ thị 03 khóa XI và Chỉ thị 05 khóa XII về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, Quảng Nam cơ bản trở thành tỉnh khá của cả nước, kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả quan trọng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường.

Có được thành tựu này là do sự cố gắng khắc phục khó khăn, nỗ lực vươn lên, đoàn kết thống nhất của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Nam; đặc biệt, trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ tỉnh luôn bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự hướng dẫn kịp thời, sâu sát của các cơ quan Trung ương và với quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ tỉnh đã tập trung mọi nỗ lực để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện đưa tỉnh Quảng Nam ngày càng phát triển đi lên.

III. NHỮNG THÀNH TỰU NỘI BẬT 90 NĂM XÂY DỰNG, TRƯỞNG THÀNH CỦA ĐẢNG BỘ VÀ 45 NĂM GIẢI PHÓNG TỈNH QUẢNG NAM

Trải qua 90 năm xây dựng, trưởng thành của Đảng bộ và 45 năm giải phóng tỉnh Quảng Nam, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng, đó là:

Thắng lợi của các phong trào yêu nước trong tỉnh dẫn đến thắng lợi to lớn của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã góp phần xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến oanh liệt chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trên chiến trường Quảng Nam, Đà Nẵng; góp phần cùng cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi trong thực hiện đường lối đổi mới của Đảng; trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và các nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh trong từng nhiệm kỳ; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cụ thể là: thắng lợi trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quy mô và tiềm lực kinh tế ngày càng được nâng lên, kinh tế vùng ngày càng phát triển làm thay đổi diện mạo nông thôn và đô thị; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; thực hiện thành công các đột phá chiến lược về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư; nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, phát

triển khoa học công nghệ; giữ gìn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa, xã hội; thường xuyên chăm lo an sinh xã hội; tăng cường công tác xây dựng Đảng, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp.

IV. TRUYỀN THÔNG LỊCH SỬ VỀ VANG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TỈNH

1. Truyền thống lịch sử vẻ vang

Từ khi tái lập đến nay, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân lập nhiều thành tựu có ý nghĩa to lớn, huyền thoại như truyền thống lịch sử vẻ vang, mãi là niềm tự hào cho các thế hệ hôm nay và mai sau, đó là: Truyền thống “trung dũng, kiên cường, đi đầu diệt Mỹ”; đấu tranh bất khuất, kiên cường, công hiến cả máu xương và tài sản vì độc lập tự do của Tổ quốc trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc⁴; anh dũng, sẵn sàng vượt lên mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu xây dựng và phát triển quê hương ngày càng giàu mạnh sau ngày giải phóng; năng động, sáng tạo với bản lĩnh chính trị vững vàng, quyết sách linh hoạt trong thực hiện đường lối của Trung ương Đảng, tư duy đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo; bộ đội cụ Hồ với đội ngũ cán bộ lãnh đạo bản lĩnh, được thử thách trong chiến tranh, gắn bó mật thiết với nhân dân, gần dân, hiểu dân, tôn trọng nhân dân, làm việc vì lợi ích của nhân dân.

2. Bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng bộ tỉnh

Từ những thành tựu đạt được của Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng trong 90 năm qua, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác xây dựng Đảng bộ tỉnh Quảng Nam hiện nay, như sau:

Một là, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt và vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phương châm, phương pháp cách mạng của Đảng vào thực tiễn xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam trong thời kỳ mới.

Hai là, phát huy truyền thống đoàn kết trong toàn Đảng bộ, truyền thống yêu nước và cách mạng của quê hương, tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước nhân dân; gần dân, dựa vào dân, “lấy dân làm gốc”, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân.

Ba là, cùng với việc phát triển kinh tế phải chăm lo phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội; sẵn sàng hy sinh vì nghĩa vụ quốc tế với tinh thần giúp bạn cũng là giúp chính mình.

Bốn là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng

⁴ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, Quảng Nam có hơn 65.000 liệt sĩ; có 14.353 bà Mẹ Việt Nam Anh hùng; đặc biệt, Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thứ có 09 người con ruột, 01 con rể và 02 cháu ngoại là liệt sĩ.

Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng; chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Năm là, phát huy truyền thống con người Xứ Quảng với tư duy không giáo điều, máy móc, có tinh thần cách tân cao.

Sáu là, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh làm nòng cốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*

Tự hào với những thắng lợi đã đạt được, hướng tới tương lai tươi sáng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn vững tay lái, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vô cùng tự hào vì đất nước có một Đảng Cộng sản kiên cường, trung thành với Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên những kỳ tích vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đóng góp xứng đáng vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vì hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Tự hào về Đảng quang vinh, về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân Việt Nam ở trong nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài càng thấy rõ hơn trách nhiệm của mình, nguyện đi theo Đảng, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, tiếp tục lãnh đạo nhân dân ta đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hòa bình và thịnh vượng.

Đối với tỉnh Quảng Nam, sự kiện ngày 28/3/1930 đánh dấu sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam là một bước ngoặt lịch sử trọng đại của nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng và sự kiện ngày 24/3/1975 - Ngày giải phóng quê hương Quảng Nam đã đánh dấu mốc son lịch sử viết nên khúc ca khải hoàn cho tỉnh Quảng Nam sau 30 năm trường kỳ kháng chiến. Đến nay, trải qua chặng đường dài 90 năm đầy gian khổ hy sinh nhưng rất đáng khâm phục và tự hào, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam đã không ngừng lớn mạnh và ngày càng khẳng định được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình bằng những thành tựu to lớn đã đạt được qua từng giai đoạn

lịch sử. Quê hương Quảng Nam sau 45 năm giải phóng đã “tăng tốc” với những thành tựu phát triển đáng ghi nhận, ngày càng khẳng định được vị thế của mình so với các địa phương trong cả nước. Với niềm tự hào và phấn khởi, tin tưởng rằng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Nam sẽ chung sức, đồng lòng, tiếp tục hoàn thành xuất sắc trọng trách của mình, phấn đấu đưa tỉnh Quảng Nam ngày càng phát triển giàu mạnh, văn minh; đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG - BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NAM